

Số: **217**/BC-UBND

Thị xã Quảng Trị, ngày **14** tháng **10** năm 2022

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2022

I. Thu ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện 9 tháng đầu 2022 là 70.594 triệu đồng đạt 68,7% dự toán năm, bằng 120,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Thu ngân sách Địa phương được hưởng là 68.880 triệu đồng đạt 70,8% dự toán năm, bằng 160 % so với 9 tháng đầu 2021 (Nếu thu không tính thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa là 42.693 triệu đồng, đạt 113,1% dự toán năm, bằng 255,4% so với 9 tháng đầu 2021). Một số khoản thu cụ thể như sau:

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài doanh 19.448 triệu đồng, đạt 104% dự toán năm, bằng 222% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Thuế thu nhập cá nhân: 5.899 triệu đồng, đạt 113% dự toán năm, bằng 205% cùng kỳ năm 2021.

+ Thu lệ phí trước bạ: 12.573 triệu đồng, đạt 140% dự toán năm, bằng 434% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Thu phí, lệ phí 1.100 triệu đồng, đạt 70% dự toán năm, bằng 455% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 347 triệu đồng, đạt 158% dự toán năm

+ Tiền cho thuê đất : 2.083 triệu đồng, đạt 160% dự toán năm

+ Tiền sử dụng đất 27.857 triệu đồng, đạt 43% dự toán năm, bằng 67% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Thu khác ngân sách 278 triệu đồng, đạt 16% dự toán năm, bằng 27,7% so với cùng kỳ năm 2021

(Chi tiết theo biểu số 94/CK-NSNN)

II. Chi ngân sách

1. Chi cân đối ngân sách địa phương:

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương thực hiện 9 tháng đầu 2022 là 142.964 triệu đồng, đạt 67% dự toán năm, bằng 280% cùng kỳ năm 2021.

(Chi tiết theo biểu số 95/CK-NSNN)

Trong đó:

a. Chi đầu tư phát triển: 35.681 triệu đồng, đạt 60% dự toán năm, bằng 377% so với cùng kỳ năm 2021.

b. Chi thường xuyên: 101.383 triệu đồng, đạt 74% dự toán năm, bằng 288% so với cùng kỳ năm 2021.

- Chi Giáo dục – Đào tạo và dạy nghề 45.186 triệu đồng, đạt 71% dự toán năm
- Chi Y tế, dân số và gia đình 454 triệu đồng, đạt 70% dự toán năm
- Chi Văn hóa thông tin 1.511 triệu đồng, đạt 73% dự toán năm
- Chi phát thanh truyền hình 469 triệu đồng, đạt 73% dự toán năm
- Chi thể dục thể thao 703 triệu đồng, đạt 138% dự toán năm.
- Chi bảo vệ môi trường 5.851 triệu đồng, đạt 75% dự toán năm
- Chi hoạt động kinh tế: 4.845 triệu đồng, đạt 66% dự toán năm
- Chi quản lý hành chính: 31.122 triệu đồng, đạt 74% dự toán năm
- Chi đảm bảo xã hội 6.468 triệu đồng, đạt 90% dự toán năm

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh:

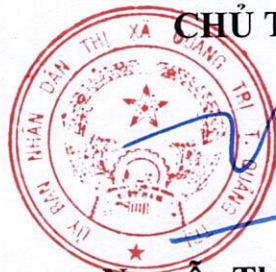
Số chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh là 5.900 triệu đồng, đạt 105,2% dự toán.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân 9 tháng đầu 2022, UBND thị xã Quảng Trị thực hiện báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND thị xã (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- Công thông tin điện tử thị xã Quảng Trị;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Mai Anh



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số 217/BC-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của UBND thị xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	Dự toán năm 2022	Thực hiện quý 9 tháng đầu năm 2022	So sánh thực hiện 9 tháng đầu năm 2022 với (%)	
					Dự toán năm 2022	Thực hiện 9 tháng đầu năm năm 2021
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	87.282,4	102.700,0	137.895	134	158
I	Thu cân đối NSNN	58.432,4	102.700,0	70.550	68,7	120,7
1	Thu nội địa	58.432,4	102.700,0	70.550	68,7	120,7
2	Thu đóng góp	0,0	0,0	0,0		
3	Thu viện trợ	0,0	0,0	0,0		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	28.850,0		67.345,0		233
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	49.788,1	213.872,3	142.964,0	67	287
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	44.678,1	208.261,3	137.064,0	66	307
1	Chi đầu tư phát triển	9.465,7	67.262,0	35.681,0	53	377
2	Chi thường xuyên	35.212,4	137.723,3	101.383,0	74	288
3	Dự phòng ngân sách		3.276,0			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	5.110,0	5.611,0	5.900,0	105	115

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số 217/BC-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của UBND thị xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	Dự toán năm 2022	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2022	So sánh thực hiện 9 tháng đầu 2022 với (%)	
					Dự toán năm 2022	Thực hiện 9 tháng đầu 2021
A	B	3	2	3	4=3/2	5=3/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	101.350,4	102.700	70.594	68,7	69,7
I	Thu nội địa	58.432,4	102.700	70.550	68,7	120,7
1.	Thu từ khu vực DNNN	36,5		180		493,2
2	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9.152,0	18.700	19.448,0	104	213
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.877,4	5200	5.899,0	113	205
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Lệ phí trước bạ	2.899,3	9.000	12.573,0	140	434
7	Thu phí, lệ phí	241,6	1.580	1.100,0	70	455
8	Các khoản thu về nhà, đất	42.120,1	66.520	30.297,0	46	72
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0,0	0,0	10,0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	47,9	220	347,0	158	724
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	359,0	1.300	2.083,0	160	580
-	Thu tiền sử dụng đất	41.713,2	65.000	27.857,0	43	67
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0,0	0	0,0	0	
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	97,9	0	767,0		
10	Thu khác ngân sách	1.003	1.700	278,0	16,4	27,7
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	5,0		7,7	0,0	154,0
II	Thu đóng góp		0	44,0		
III	Thu viện trợ	0,0	0	0,0		
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	42.918,0	97.230,0	68.880,0	70,8	160,5
1	Từ các khoản thu phân chia	27.602,0	94.870,0	65.358,0	68,9	236,8
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	15.316,0	2.360,0	3.522,0	149,2	23,0

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số 217/BC-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	Dự toán năm 2022	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2022	So sánh thực hiện 9 tháng đầu năm 2022 với (%)	
					Dự toán năm 2022	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2021
A	B	3	2	3	4=3/2	5=3/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	51.095,1	213.872	142.964,0	67	280
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	45.985,1	208.261	137.064,0	66	298
I	Chi đầu tư phát triển	9.465,7	67.262	35.681,0	53	377
1	Chi đầu tư cho dự án	9.465,7	59.617,0	35.681,0	60	377
2	Chi đầu tư phát triển khác		7.645			
II	Chi thường xuyên	35.212,4	137.723	101.383,0	74	288
	<i>Trong đó:</i>	0				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	14.309,6	63.843,0	45.186,0	71	316
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0
3	Chi y tế, dân số và gia đình	153,4	645,0	454,0	70	
4	Chi văn hóa thông tin	423,8	2.058,2	1.510,0	73	356
5	Chi phát thanh, truyền hình	141,9	645,5	469,0	73	331
6	Chi thể dục thể thao	52,6	508,7	703,0	138	1.337
7	Chi bảo vệ môi trường	2.863,7	7.830,0	5.851,0	75	204
8	Chi hoạt động kinh tế	3.766,7	7.491,8	4.945,0	66	131
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	6.115,7	42.154,2	31.122,0	74	509
10	Chi bảo đảm xã hội	2.498,8	7.186,7	6.468,0	90	259
11	Chi thường xuyên khác	150,0	554,0	510,0		340
III	Dự phòng ngân sách	1.307,0	3.276,0			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	5.110,0	5.611	5.900,0	105	115
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	0	-		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	5.110,0	5.611	5.900,0	105,2	115,5